TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 336/2019/DS-PT
Ngày: 16 - 11 - 2019
V/v yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 303/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2019/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 260/2019/QĐPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1969 (có mặt)
2. Bà Ngô Hồng Đ, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Hồng Đ: Ông Huỳnh Văn N.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1962 (có mặt)
2. Bà Lữ Thị N, sinh năm 1965 (Bà N ủy quyền cho ông X)
3. Ông Nguyễn Văn Nhọn A, sinh năm 1966 (có mặt)
4. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1964 (Bà T ủy quyền cho ông A)
5. Ông Nguyễn Văn Nhọn E, sinh năm 1968 (có mặt)
6. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970 (Bà P ủy quyền cho ông E).

7. Ông Nguyễn Văn Út E, sinh năm 1970 (có mặt)

8. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn ông Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn Nhọn A, Nguyễn Văn Nhọn E, Nguyễn Văn Út E: Ông Nguyễn Văn Mạnh – Luật sư Văn phòng luật sư Hoàng Việt thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Thiện Hồng P, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre. (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người làm chứng do bị đơn triệu tập:

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1934. (có mặt)

Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1955. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Bị đơn là các ông: Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn Nhọn A, Nguyễn Văn Nhọn E, Nguyễn Văn Út E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn N, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Hồng Đ trình bày:

Ông và vợ là bà Ngô Hồng Đ đang quản lý sử dụng thửa đất số 948 (thửa mới 242, tờ bản đồ số 13) và thửa 3035 (thửa mới 243, tờ bản đồ số 13) cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre. Nguồn gốc đất do ông bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Đ. Sau khi nhận chuyển nhượng ông bà có cho các ông bà Nguyễn Văn X, Lữ Thị N, Nguyễn Văn Nhọn A, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Văn Nhọn E, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn Út E và Phạm Thị C là 04 hộ gia đình phía trong đi tạm trên thửa 3035 (liền kề với thửa 242). Hiện nay ông bà đã sáp nhập 02 thửa đất trên làm tường rào quanh đất để chăn nuôi, trồng trọt và ông bà đã báo cho 04 hộ gia đình này biết là ông bà sẽ mở một lối đi khác cặp ranh đất của ông bà nằm trên thửa 3035 nối liền với lối đi mà ông bà đã cho gia đình ông Phạm Thiện P đi từ trước, lối đi này đã được đổ đan rất thuận tiện. Tuy nhiên các bị đơn không đồng ý. Trong thời gian thương lượng với nhau về lối đi mới thì ngày 13/10/2017 các bị đơn đã tự ý đổ vật liệu, bê tông có chiều ngang 1m, chiều dài 60m thuộc thửa 3035 trên lối đi tạm, ông bà đã ngăn cản và báo với chính quyền địa phương. Để thuận tiện cho việc canh tác, sử dụng, quản lý đất nay ông bà khởi kiện yêu cầu buộc các bị đơn phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với diện

tích 60m^2 thuộc một phần thửa 3035, tờ bản đồ số 3 (thửa mới 243, tờ bản đồ số 13) tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre. Buộc các bị đơn phải tháo dỡ, di dời đường bê tông đã xây trên đất để giao trả phần đất này cho ông và được sử dụng. Vợ chồng ông tự nguyện hoàn trả cho các bị đơn số tiền mua vật tư để xây đường đan theo giá Hội đồng định giá đưa ra.

Để tạo điều kiện cho các bị đơn có lối đi ra lộ công cộng, ông bà tự nguyện mở lối đi mới có chiều ngang 1m ở cuối thửa đất tính từ đầu lối đi cũ trên thửa 243 dọc theo cuối thửa 243 đến đường đan đã cho hộ ông Phạm Thiên Hồng P sử dụng để ra lộ công cộng (đường đi này đã được thể hiện trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 19/4/2019).

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn là các ông bà Nguyễn Văn X, Lữ Thị N, Nguyễn Văn Nhọn A, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Văn Nhọn E, Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Văn Út E, Nguyễn, Phạm Thị C trình bày:

Vào năm 1995, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Đ chuyển nhượng đất cho ông Huỳnh Văn N và có thỏa thuận mỗi người chừa lại phần đất có chiều ngang 1,5m (tổng cộng hai bên là 3m), chiều dài dài đến hết đất để làm đường đi cho các hộ của các ông bà. Phía bị đơn đã sử dụng con đường này từ trước năm 1975 cho đến nay. Ông N đã nhiều lần thỏa thuận đổi cho các ông bà đường đi khác nhưng ông bà không đồng vì còn đường này đã có trên một trăm năm và khi đo đạc chính quy chính ông N cũng cắm trụ chừa đường đi này. Nay nguyên đơn khởi kiện các ông bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thiên Hồng P trình bày:

Phần đường đan có chiều rộng 2,35m, dài 2,61m giáp lộ công cộng do ông xây dựng trên phần đất của ông N nhưng ông với ông N có thỏa thuận ông N nhượng quyền sử dụng đất trên lối đi này cho ông. Ông có trả khoản tiền cho ông N, đồng thời ông có lập văn bản thỏa thuận là cho các hộ phía trong (bị đơn) sử dụng lối đi này làm lối đi chung. Ông không yêu cầu bồi hoàn tiền ông bỏ ra làm lối đi và ông có cam kết là không tranh chấp về sau, do bận công việc làm ăn nên ông xin Tòa án giải quyết vắng mặt.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS-PT ngày 27/8/2019 đã tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N và bà Ngô Hồng Đ.

- Buộc các ông bà Nguyễn Văn X, Lữ Thị N, Nguyễn Văn Nhọn A, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Văn Nhọn E, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn Út E,

Phạm Thị C phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với lối đi có chiều rộng 1m, dài 62,7m thuộc một phần thửa 3035, tờ bản đồ số 3 (thửa mới 243, tờ bản đồ số 13) tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre. Có từ cận: Phía Bắc giáp lộ công cộng; Phía Nam giáp thửa 249; Phía Đông giáp phần còn lại thửa 243 và thửa 207; Phía Tây giáp thửa 242 và thửa 208.

Ghi nhận ông Huỳnh Văn N và bà Ngô Hồng Đ tự nguyện mở lối đi mới rộng 1,09m, dài phần giáp thửa 243 là 35,43m; phần giáp thửa 249 là 37,1m; tổng diện tích lối đi là 38,5m^2 (thuộc một phần các thửa 243, 207 cùng tờ bản đồ 13, tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre) (có họa đồ kèm theo).

Ghi nhận ông Huỳnh Văn N và bà Ngô Hồng Đ tự nguyện bồi hoàn cho các ông bà Nguyễn Văn X, Lữ Thị N, Nguyễn Văn Nhọn A, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Văn Nhọn E, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn Út E, Phạm Thị C số tiền đã bỏ ra làm đường là 4.257.000 (bốn triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn) đồng.

Ghi nhận ông Phạm Thiện Hồng Phước tự nguyện cho các ông bà Nguyễn Văn X, Lữ Thị N, Nguyễn Văn Nhọn A, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Văn Nhọn E, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn Út E, Phạm Thị C sử dụng lối đi bê tông rộng 2,35m; dài 62,1m, giáp đường đan công cộng do hộ ông P tự bỏ tiền để làm lối đi, có tứ cận đông tây nam bắc giáp phần đất ông N đứng tên chủ quyền. (có họa đồ kèm theo).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/9/2019 các bị đơn là các ông Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn Nhọn A, Nguyễn Văn Nhọn E, Nguyễn Văn Út E kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm do đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng về việc xác định thiếu người tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Xét kháng cáo của các bị đơn các ông Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn Nhọn A, Nguyễn Văn Nhọn E, Nguyễn Văn Út E và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng ngoài các ông bà là: Nguyễn Văn X, Lữ Thị N, Nguyễn Văn Nhọn A, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Văn Nhọn E, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn Út E, Phạm Thị C thì còn có những người khác hiện cũng đang sử dụng lối đi trên đất của ông N, gồm: Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Châu A, Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn Vũ L, Phạm Thị C, Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Huỳnh N, Lữ Thị Thúy H, Nguyễn Thị Tường V, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Ngọc D. Việc cấp sơ thẩm không đưa những người này vào tham gia tố tụng là có thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự. Ngoài ra thì với nội dung quyết định của cấp sơ thẩm về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất thì các bị đơn không có ý kiến cũng như không có kháng cáo về phần này.

Nguyên đơn ông N và bà Đ yêu cầu các bị đơn chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất vì đã có hành vi tự ý đổ bê tông làm đường đi trên phần đất đang thuộc quyền sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Ông N, bà Đ khởi kiện những bị đơn trên vì cho rằng những người này thực tế đã có hành vi xâm phạm đến quyền sử dụng đất của ông bà mà chưa được sự đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn cũng thừa nhận đã thực hành vi như nguyên đơn đã trình bày; ngoài ra nguyên đơn không đề cập hay trình bày có người nào khác có hành vi cản trở quyền sử dụng đất. Ông N yêu cầu các bị đơn phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất nhưng đồng thời cũng đồng ý mở một lối đi khác cho bị đơn, đảm bảo lối đi thuận tiện cho các bị đơn và đảm bảo quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Xét thấy, các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà tòa án cấp sơ thẩm đã xác định và đưa vào tham gia tố tụng là đầy đủ. Bị đơn cung cấp xác nhận các ông bà: Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn Châu A, Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn Vũ L, Phạm Thị C, Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Thị Huỳnh N, Lữ Thị Thúy H, Nguyễn Thị Tường V, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Ngọc D hiện cũng đang sử dụng lối đi trên đất ông N. Thấy rằng, đây là vụ án yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, không phải vụ án về tranh chấp lối đi, do đó việc tòa án sơ thẩm không đưa những người này vào

tham gia tố tụng là phù hợp. Hơn nữa, những ông bà trên trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn. Nếu những người liên quan trên nhận thấy nội dung quyết định của bản án ảnh hưởng đến quyền về lối đi của họ thì có thể khởi kiện thành một vụ án khác về tranh chấp lối đi để được Tòa án thụ lý giải quyết. Do đó, căn cứ các bị đơn nêu ra để yêu cầu hủy án sơ thẩm là không phù hợp nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị đơn ông X, ông Nhọn A, ông Nhọn E, ông Út E phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Huỳnh Văn N, ông Nguyễn Văn Nhọn A, ông Nguyễn Văn Nhọn E, ông Nguyễn Văn Út E.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2019/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 164, 169 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Cụ thể tuyên:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N và bà Ngô Hồng Đ.

- Buộc các ông bà Nguyễn Văn X, Lữ Thị N, Nguyễn Văn Nhọn A, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Văn Nhọn E, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn Út E, Phạm Thị C phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với lối đi có chiều rộng 1m, dài 62,7m thuộc một phần thửa 3035, tờ bản đồ số 3 (thửa mới 243, tờ bản đồ số 13) tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre. Có từ cận: Phía Bắc giáp lộ công cộng; Phía Nam giáp thửa 249; Phía Đông giáp phần còn lại thửa 243 và thửa 207; Phía Tây giáp thửa 242 và thửa 208.

2- Ghi nhận ông Huỳnh Văn N và bà Ngô Hồng Đ tự nguyện mở lối đi mới rộng 1,09m, dài phần giáp thửa 243 là 35,43m; phần giáp thửa 249 là

37,1m; tổng diện tích lối đi là 38,5m^2 (thuộc một phần các thửa 243, 207 cùng tờ bản đồ 13, tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre) (có họa đồ kèm theo).

- Ghi nhận ông Huỳnh Văn N và bà Ngô Hồng Đ tự nguyện bồi hoàn cho các ông bà Nguyễn Văn X, Lữ Thị N, Nguyễn Văn Nhọn A, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Văn Nhọn E, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn Út E, Phạm Thị C số tiền đã bỏ ra làm đường là 4.257.000 (bốn triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn) đồng.

- Ghi nhận ông Phạm Thiện Hồng Phước tự nguyện cho các ông bà Nguyễn Văn X, Lữ Thị N, Nguyễn Văn Nhọn A, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Văn Nhọn E, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn Út E, Phạm Thị C sử dụng lối đi bê tông rộng 2,35m; dài 62,1m, giáp đường đan công cộng do hộ ông P tự bỏ tiền để làm lối đi, có tứ cận đông tây nam bắc giáp phần đất ông N đứng tên chủ quyền. (có họa đồ kèm theo).

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn X, bà Lữ Thị N, ông Nguyễn Văn Nhọn A, bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Văn Nhọn E, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn Út E, bà Phạm Thị C phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn N và bà Ngô Hồng Đ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000347 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn X, bà Lữ Thị N, ông Nguyễn Văn Nhọn A, bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Văn Nhọn E, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn Út E, bà Phạm Thị C phải chịu 1.494.000 (một triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn) đồng. Ông Huỳnh Văn N và bà Ngô Hồng Đ đã tạm nộp số tiền này, do đó buộc ông Nguyễn Văn X, bà Lữ Thị N, ông Nguyễn Văn Nhọn A, bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Văn Nhọn E, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn Út E, bà Phạm Thị C có nghĩa vụ trả lại cho ông Huỳnh Văn N và bà Ngô Hồng Đ số tiền 1.494.000 (một triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn) đồng.

5. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn X, ông Nguyễn Văn Nhọn A, ông Nguyễn Văn Nhọn E, ông Nguyễn Văn Út E mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0005508; 0005507; 0005504; 0005506 cùng ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Ông X, ông Nhọn A, ông Nhọn E, ông Út E đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại, các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I TANDTC;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thế Hồng